

PHỤ LỤC

**PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên xã, huyện	Tổng vốn	Phân bổ chi tiết vốn đã giao tại Phụ lục 17 của Quyết định 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh							Đầu mối giao kế hoạch
			Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch...	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội...	Nội dung thành phần số 03: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn...	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa...	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn...	Nội dung thành phần số 08: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở...	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới...	
TỔNG CỘNG		19.750,0	3.975,0	850,0	2.376,1	5.458,0	6.540,9	140,0	410,0	
I	Thành phố Quy Nhon	477,2	-	-	-	335,4	111,8	-	30,0	UBND thành phố Quy Nhon
1	Xã Nhon Lý	111,8				111,8				
2	Xã Phước Mỹ	111,8				111,8				
3	Xã Nhon Châu	111,8				111,8				
4	Xã Nhon Hải	111,8					111,8			
5	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo thành phố	30,0							30,0	
II	Huyện Vân Canh	710,8	75,0	-	-	366,0	229,8	-	40,0	UBND huyện Vân Canh
1	Xã Canh Vinh	111,8					111,8			
2	Xã Canh Hiến	559,0	75,0			366,0	118,0			
3	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	40,0							40,0	
III	Huyện Tuy Phước	1.269,8	225,0	-	27,0	520,8	457,0	-	40,0	UBND huyện Tuy Phước
1	Xã Phước An	111,8	75,0				36,8			
2	Xã Phước Nghĩa	111,8			27,0		84,8			
3	Xã Phước Hưng	111,8					111,8			
4	Xã Phước Lộc	111,8					111,8			
5	Xã Phước Thành	111,8				111,8				
6	Xã Phước Quang	111,8				111,8				
7	Xã Phước Hiệp	111,8					111,8			
8	Xã Phước Hòa	111,8				111,8				
9	Xã Phước Sơn	111,8	75,0			36,8				

TT	Tên xã, huyện	Tổng vốn	Phân bổ chi tiết vốn đã giao tại Phụ lục 17 của Quyết định 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh							Đầu mối giao kế hoạch
			Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch...	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội...	Nội dung thành phần số 03: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn...	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa...	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn...	Nội dung thành phần số 08: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở...	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới...	
TỔNG CỘNG		19.750,0	3.975,0	850,0	2.376,1	5.458,0	6.540,9	140,0	410,0	
10	Xã Phước Thuận	111,8	75,0			36,8				
11	Xã Phước Thắng	111,8				111,8				
12	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	40,0							40,0	
IV	Thị xã An Nhơn	1.148,0	-	-	-	509,4	608,6	-	30,0	
1	Xã Nhơn Lộc	111,8					111,8			
2	Xã Nhơn An	111,8				70,0	41,8			
3	Xã Nhơn Phúc	111,8					111,8			
4	Xã Nhơn Thọ	111,8					111,8			
5	Xã Nhơn Phong	111,8				111,8				
6	Xã Nhơn Khánh	111,8				75,0	36,8			
7	Xã Nhơn Mỹ	111,8				60,8	51,0			
8	Xã Nhơn Hậu	111,8				80,0	31,8			
9	Xã Nhơn Hạnh	111,8				111,8				
10	Xã Nhơn Tân	111,8					111,8			
11	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo thị xã	30,0							30,0	
V	Huyện Tây Sơn	3.616,9	900,0	850,0	556,8	535,7	594,4	140,0	40,0	
1	Xã Tây Thuận	111,8	75,0				36,8			
2	Xã Bình Hòa	111,8	75,0			36,8				
3	Xã Bình Tường	111,8	75,0				36,8			
4	Xã Tây Xuân	111,8	75,0				36,8			
5	Xã Bình Nghi	111,8	75,0				36,8			
6	Xã Bình Thuận	111,8	75,0				36,8			
7	Xã Tây An	111,8	75,0		36,8					
8	Xã Tây Bình	111,8	75,0				36,8			
9	Xã Tây Vinh	111,8	75,0				36,8			
10	Xã Tây Phú	111,8	75,0			36,8				
11	Xã Bình Thành	111,8	75,0				36,8			

TT	Tên xã, huyện	Tổng vốn	Phân bổ chi tiết vốn đã giao tại Phụ lục 17 của Quyết định 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh							Đầu mối giao kế hoạch
			Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch...	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội...	Nội dung thành phần số 03: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn...	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa...	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn...	Nội dung thành phần số 08: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở...	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới...	
TỔNG CỘNG		19.750,0	3.975,0	850,0	2.376,1	5.458,0	6.540,9	140,0	410,0	
VIII	Huyện Phù Mỹ	4.958,5	300,0	-	161,5	2.053,7	2.403,3	-	40,0	UBND huyện Phù Mỹ
1	Xã Mỹ Hiệp	111,8					111,8			
2	Xã Mỹ Lộc	111,8				111,8				
3	Xã Mỹ Hòa	111,8			40,0	41,8	30,0			
4	Xã Mỹ Tài	111,8			75,0		36,8			
5	Xã Mỹ Trinh	111,8					111,8			
6	Xã Mỹ Quang	111,8	75,0				36,8			
7	Xã Mỹ Châu	111,8	75,0			10,0	26,8			
8	Xã Mỹ Cát	111,8				80,0	31,8			
9	Xã Mỹ Thọ	111,8				80,0	31,8			
10	Xã Mỹ Chánh Tây	111,8				80,0	31,8			
11	Xã Mỹ Phong	111,8				60,0	51,8			
12	Xã Mỹ Lợi	111,8				111,8				
13	Xã Mỹ Thành	111,8				111,8				
14	Xã Mỹ Đức	559,0	75,0		15,0	395,0	74,0			
15	Xã Mỹ Thắng	559,0	75,0		31,5	396,5	56,0			
16	Xã Mỹ An	111,8				75,0	36,8			
17	Hỗ trợ huyện NTM	2.235,3				500,0	1.735,3			
18	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	40,0							40,0	
IX	Huyện Hoài Ân	2.611,4	825,0	-	600,0	-	1.146,4	-	40,0	UBND Huyện Hoài Ân
1	Xã Ân Thạnh	111,8	75,0				36,8			
2	Xã Ân Phong	111,8	75,0				36,8			
3	Xã Ân Tường Tây	111,8	75,0				36,8			
4	Xã Ân Đức	111,8	75,0				36,8			
5	Xã Ân Hào Đông	111,8	75,0				36,8			
6	Xã Ân Tín	111,8	75,0				36,8			
7	Xã Ân Mỹ	111,8	75,0				36,8			

